

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2021/HS-ST
Ngày: 24-6-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đặng Minh Lý.

2/ Ông Trương Ngọc Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 104/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2021/QĐXXST-HS ngày 10/6/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1984. Tại: Đồng Nai. Nơi ĐKKHKT: Ấp BC, xã BQ, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo tin lành; Con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị M1; Vợ: Nguyễn Thị Bé Th, có 01 con sinh năm 2013. Tiền án: Ngày 11/8/2003, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 257/HSST; Ngày 21/11/2003, Tòa án nhân dân huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 101/HSST, tổng hợp hình phạt 18 tháng tù, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 42 tháng tù. Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21/01/2021; Có mặt.

Bị hại: Bà Châu Kim M, sinh năm 1988. Nơi ĐKKHKT: Ấp x, xã HT, huyện KH, tỉnh Kiên Giang; Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp BC, xã BQ, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai; Vắng mặt.

Người làm chứng: Phan Thị D, Tô Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thị D và Châu Kim M là công nhân cùng làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn điện tử F Việt Nam, địa chỉ tại Khu công nghiệp V, phường HP, thành phố

Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên quen biết nhau. Quá trình làm việc chung với nhau thì D nói cho M biết là D có nhận bán số đề và kêu M có mua số đề thì D sẽ bán cho M nên M đồng ý. D bắt đầu bán số đề cho M từ tháng 8/2018 cho đến cuối tháng 9/2018. Trong thời gian mua số đề, M thiếu tiền mua đề của D số tiền khoảng 157.200.000 (Một trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm ngàn) đồng nhưng M không có khả năng chi trả cho D nên lẩn tránh không gặp D. Do nhiều lần tìm M để đòi tiền nợ nhưng không được nên D nảy sinh ý định thuê người tìm gặp M để đòi nợ dùm D. Sau đó, thông qua người quen giới thiệu D gặp người nam tên L (Hiện chưa xác định rõ nhân thân lai lịch và địa chỉ cư trú) và nói cho L biết là M đang thiếu D số tiền 157.200.000 (Một trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm ngàn) đồng và nhờ L đòi dùm số tiền trên với thỏa thuận là sẽ chia 50% số tiền L đòi được thì L đồng ý.

Sau khi nhận lời giúp Phan Thị D đòi nợ của Châu Kim M thì L nói cho Tô Văn C, sinh năm 1993 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 cùng 02 người nam (Hiện chưa xác định rõ nhân thân lai lịch và địa chỉ cư trú) biết và rủ đi đòi nợ giúp D thì T, C và 02 người nam (Hiện chưa xác định rõ nhân thân lai lịch và địa chỉ cư trú) đồng ý. Khoảng 13 giờ ngày 19/11/2018, Nguyễn Văn T thuê anh Lê Văn Suốt, sinh năm 1977 điều khiển xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 61A-434.xx chở T, C, L và 02 người nam (Hiện chưa xác định rõ nhân thân lai lịch và địa chỉ cư trú) đến Công ty Trách nhiệm hữu hạn điện tử F Việt Nam gặp D. Tại đây, D nói cho nhóm của T và C biết đặc điểm của M để nhóm T và C biết và gặp M đòi tiền. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi Châu Kim M điều khiển xe mô tô Honda Vision biển số 68S1-403.xx đi trên đường số 36, khu 2, phường HP, thành phố M, tỉnh Bình Dương thì bị Phan Thị D và nhóm Tô Văn C nhìn thấy chặn xe lại đe dọa và yêu cầu M phải trả nợ cho D số tiền 157.200.000 (Một trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm ngàn) đồng nhưng M nói không có nợ D số tiền trên nên không đồng ý trả thì T đe dọa còn C dùng tay đánh vào mặt M rồi yêu cầu M cùng D đến quán cà phê (không tên) trên đường Nguyễn Văn Linh thuộc khu 2, phường PT, thành phố M, tỉnh Bình Dương do chị Trịnh Thị K làm chủ để nói chuyện. Tại đây, C và T bắt M viết giấy mượn tiền với nội dung M thiếu D số tiền 157.200.000 (Một trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm ngàn) đồng. Do lo sợ bị nhóm của T và C đánh nên M đồng ý viết giấy nợ số tiền trên của D. Tiếp đó, nhóm của T và C yêu cầu M vào trong xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 61A-434.xx rồi dùng sức ép buộc M tháo 01 (một) bộ vòng siment (09 chiếc) bằng vàng 18k và 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng 18k mà M đang đeo trên người để đưa cho D cùng một người nam trong nhóm của C đem đến tiệm vàng KN cầm cho chủ tiệm vàng là anh Phạm Thành N, sinh năm 1980 được số tiền 16.000.000 (Mười sáu triệu) đồng. Sau khi cầm vàng của M xong, nhóm của T, C và D tiếp tục dùng sức ép buộc M đem xe mô tô Honda Vision biển số 68S1-403.xx của M đến tiệm cầm đồ PC do anh Trịnh Văn T1, sinh năm 1987 làm chủ cầm cho anh T1 được số tiền 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng. Tổng số tiền cầm vàng và xe của M là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, D đưa cho T số tiền 17.500.000 (Mười bảy triệu, năm trăm ngàn) đồng còn D giữ lại 12.500.000 (Mười hai triệu, năm trăm ngàn) đồng. Sau khi nhận tiền xong thì nhóm của T và C ra xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 61A-434.xx đi về còn D đi về phòng trọ của D tại khu phố N, phường HL, thị xã B, tỉnh Bình Dương và tiêu xài hết số tiền 12.500.000 (Mười hai triệu năm trăm ngàn) đồng. Sau khi nhận số tiền 17.500.000 (Mười bảy triệu, năm trăm ngàn) đồng từ D, T trả tiền thuê xe cho anh Lê Văn S số tiền 2.500.000 (Hai triệu, năm trăm ngàn) đồng, số tiền còn lại T đưa cho người nam tên L thì người nam tên L dẫn T, C và cả nhóm đi ăn uống. Sau đó, người nam tên L

đưa cho T số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng thì T đưa cho Tô Văn C số tiền 1.600.000 (Một triệu, sáu trăm ngàn) đồng, T giữ số tiền 1.400.000 (Một triệu, bốn trăm ngàn) đồng (số tiền này C và T đã tiêu xài cá nhân hết). Đối với Châu Kim M sau khi bị D và nhóm T, C chiếm đoạt vàng và xe mô tô, M đã đến Công an phường HP, thành phố M trình báo sự việc. Sau đó, Công an phường HP báo cáo và phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một yêu cầu Phan Thị D về trụ sở làm việc. Qua làm việc, D đã khai nhận hành vi cùng nhóm Nguyễn Văn T, Tô Văn C đe dọa, ép buộc để chiếm đoạt vàng và xe mô tô của M nên ngày 20/11/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Phan Thị D và tạm giữ: 01 (Một) xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 68S1-403.xx; 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng 18k trọng lượng 1,385 chỉ, 01 (Một) bộ vòng ciment (09 chiếc) bằng vàng 18k trọng lượng 6,81 chỉ; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Itel màu đỏ có sim số 0329.3077xx; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia C2 có sim số 01232.7897xx.

Ngày 18/01/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một có Bản kết luận định giá tài sản số: 08-KLTS-TTHS kết luận: 01 (Một) xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 68S1-403.xx, trị giá 27.000.000 (Hai mươi bảy triệu) đồng; 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng 18k trọng lượng 1,385 chỉ, trị giá 3.677.175 (Ba triệu, sáu trăm bảy mươi bảy ngàn, một trăm bảy mươi lăm) đồng; 01 (Một) bộ vòng ciment (09 chiếc) bằng vàng 18k trọng lượng 6,81 chỉ, trị giá 18.080.550 (Mười tám triệu, không trăm tám mươi ngàn, năm trăm năm mươi) đồng. Tổng giá trị tài sản Phan Thị D, Nguyễn Văn T, Tô Văn C cùng đồng bọn chiếm đoạt của Châu Kim M trị giá là 48.757.725 (Bốn mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi bảy ngàn, bảy trăm hai mươi lăm) đồng.

Đối với Phan Thị D, Tô Văn C và Châu Kim M, ngày 27/02/2020 Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử và xử phạt Phan Thị D 02 năm tù về tội Cường đoạt tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự và 01 năm 03 tháng tù về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt là 03 năm 03 tháng tù; xử phạt Tô Văn C 01 năm 06 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự; xử phạt Châu Kim M 09 tháng tù về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự theo Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HS-ST.

Quá trình phục hồi điều tra, Nguyễn Văn T đã thừa nhận hành vi cùng với Tô Văn C và L cùng 02 người nam (Hiện chưa xác định rõ nhân thân lai lịch và địa chỉ cư trú) giúp sức cho Phan Thị D đe dọa sẽ dùng vũ lực uy hiếp tinh thần để chiếm đoạt 01 (Một) xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 68S1-403.xx, trị giá 27.000.000 (Hai mươi bảy triệu) đồng; 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng 18k trọng lượng 1,385 chỉ, trị giá 3.677.175 (Ba triệu, sáu trăm bảy mươi bảy ngàn, một trăm bảy mươi lăm) đồng; 01 (Một) bộ vòng ciment (09 chiếc) bằng vàng 18k trọng lượng 6,81 chỉ, trị giá 18.080.550 (Mười tám triệu, không trăm tám mươi ngàn, năm trăm năm mươi) đồng của bị hại Châu Kim M. Tổng trị giá tài sản Nguyễn Văn T cùng đồng phạm chiếm đoạt của bị hại Châu Kim M là 48.757.725 (Bốn mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi bảy ngàn, bảy trăm hai mươi lăm) đồng. Hiện tại, chị Nguyễn Thị A là chị ruột của T đã thay mặt T nộp lại số tiền 17.500.000 (Mười bảy triệu, năm trăm ngàn) đồng là tiền thu lợi T nhận được từ Phan Thị D nhằm khắc phục hậu quả nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển số tiền trên đến Chi cục Thi hành án dân sự thành

phố Thủ Dầu Một đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quyết định tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, ngày 26/12/2019 Nguyễn Văn T còn bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định khởi tố vụ án và Quyết định khởi tố bị can về tội Cố ý gây thương tích, quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Do T bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định truy nã. Ngày 18/12/2020, T bị Công an xã Bảo Quang, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai bắt theo Quyết định truy nã trong vụ án Cố ý gây thương tích. Đối với vụ án trên, bị hại trong vụ án có đơn rút yêu cầu khởi tố vụ án nên ngày 21/01/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 03/QĐ-CQCSĐT-HS và Quyết định đình chỉ điều tra bị can số 01/QĐ-CQCSĐT-HS đối với Nguyễn Văn T. Đối với người nam tên L và 02 người nam cùng với Phan Thị D, Tô Văn C và Nguyễn Văn T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Châu Kim M do quá trình phục hồi điều tra không xác định rõ nhân thân, lai lịch và địa chỉ cư trú nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau khi có đủ căn cứ.

Cáo trạng số 114/CT-VKS-HS ngày 17/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức hình phạt tù 01 năm 09 tháng tù đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Không đề nghị giải quyết.

Về biện pháp tư pháp: đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp số tiền 17.500.000đ sung ngân sách nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai của bị hại cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 19/11/2018, Nguyễn Văn T đã cùng Phan Thị D, Tô Văn C và một số

đối tượng (chưa rõ nhân thân lai lịch) có hành vi đe dọa dùng vũ lực nhằm buộc Châu Kim M viết giấy nhận nợ đồng thời chiếm đoạt của Châu Kim M 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 68S1 – 403.xx (trị giá 27.000.000 đồng); 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 1,385 chỉ (trị giá 3.677.175 đồng); 01 (một) bộ vòng xi men (gồm 09 chiếc) bằng vàng 18k trọng lượng 6,81 chỉ (trị giá 18.080.550 đồng) với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 48.757.725đ (bốn mươi tám triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng). Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cuồng đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân xấu, 02 lần bị xử lý hình sự nhưng không tích cực cải tạo, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tiền án, chưa được xóa án tích, nay lại thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý là trường hợp “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đồng thời đã tác động gia đình tự nguyện nộp toàn bộ tiền thu lợi bất chính sung ngân sách Nhà nước. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Căn cứ nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 27/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một nên không đề cập xử lý.

[8] Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo nộp 15.900.000đ (mười lăm triệu chín trăm nghìn đồng) thu lợi bất chính sung ngân sách Nhà nước. Hoàn trả cho bị cáo số tiền 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng).

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, Miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

2/ Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/01/2021.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

4/ Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Buộc bị cáo nộp 15.900.000đ (mười lăm triệu chín trăm nghìn đồng) thu lợi bất chính sung ngân sách Nhà nước được khấu trừ vào số tiền 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 14/4/2021. Hoàn trả cho bị cáo số tiền còn lại là 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng).

5/ Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo